

Bản án số: 193/2022/DS-PT  
Ngày: 29 – 11 – 2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Minh Dũng.

*Các Thẩm phán:*

Ông Võ Công Phương.

Bà Võ Thị Hồng Thu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 215/2022/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Phan Văn N.

Bà Trần Thị Quỳnh Nh.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Quỳnh Nh: Ông Phan Văn N; Địa chỉ: Thôn Ph, xã T, huyện T, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2021).

**- Bị đơn:** Ông Đỗ Đức H.

Bà Phan Thị Ngọc C (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường Đ, khối Ph, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hồ Thị H – Là Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Bình Định – Công ty luật TNHH Inteco.

**- Người kháng cáo:** Ông Đỗ Đức H là bị đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Phan Văn N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Quỳnh Nh thống nhất trình bày:*

Giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông Đỗ Đức H, bà Phan Thị Ngọc C là chỗ bạn bè chơi thân với nhau nên trong năm 2020 vợ chồng ông có cho vợ chồng ông H, bà C vay tiền để làm ăn nhiều lần cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 26/11/2020 ông H vay số tiền 100.000.000 đồng, giấy nợ do ông Đỗ Đức H viết, ký nhận. Vay không có lãi suất, vay không có thời hạn.

Lần 2: Vào ngày 04/12/2020 ông H vay số tiền 200.000.000 đồng, giấy nợ do ông Đỗ Đức H viết, ký nhận. Vay không có lãi suất, thời hạn vay từ ngày 04/12/2020 đến ngày 05/12/2020.

Lần 3: Vào ngày 15/12/2020 vợ chồng ông H, bà C vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn vay 01 tháng, có làm hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Lê Việt C.

Tổng cộng số tiền vay là 400.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay vợ chồng ông H, bà C chưa trả cho vợ chồng ông khoản tiền vay gốc hay lãi gì. Nay ông yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền 300.000.000 đồng của khoản vay ngày 26/11/2020 và ngày 04/12/2020; yêu cầu vợ chồng ông H, bà C phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông số tiền 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/12/2020, không yêu cầu tính lãi. Ngoài các khoản nợ trên không còn khoản nào khác.

*Bị đơn ông Đỗ Đức H trình bày:*

Ông thừa nhận 03 khoản vay như ông N trình bày: Ngày 26/11/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 04/12/2020 vay số tiền 200.000.000 đồng; Ngày 15/12/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng, tổng số tiền 400.000.000 đồng. Trong đó khoản vay ngày 26/11/2020 số tiền 100.000.000 đồng; ngày 04/12/2020 vay số tiền 200.000.000 đồng chỉ một mình ông vay chứ vợ ông là bà Phan Thị Ngọc C không có vay và không biết, còn khoản vay ngày 15/12/2020 vay số tiền 100.000.000 đồng là hai vợ chồng cùng vay để làm công việc gia đình có làm hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Lê Việt C. Nhưng vợ chồng ông đã trả cho vợ chồng ông N, bà Nh số nợ 390.000.000 đồng nên chỉ còn nợ số tiền 10.000.000 đồng chứ không phải 400.000.000 đồng như vợ chồng ông N, bà Nh yêu cầu, cụ thể:

- Khoản vay 100.000.000 đồng ngày 26/11/2020 ông đã trả cho ông N 50.000.000 đồng trong ngày 26/11/2020 và trả 50.000.000 đồng vào ngày 04/12/2020.

- Khoản vay 200.000.000 đồng ngày 04/12/2020 ông đã nhờ ông Trịnh Quốc Tr mang đến nhà ông N trả 200.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi (tương ứng 600.000 đồng/ngày).

- Khoản vay 100.000.000 đồng ngày 15/12/2020, vào ngày 17/01/2021 vợ chồng ông trả cho ông N 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại 55.000.000 đồng ngày

14/3/2021 ông có nhờ ông Nh chủ quán cà phê Mộc đưa tiền trả cho ông N 20.000.000 đồng, đến ngày 24/3/2021 bà C vợ ông đã chuyển trực tiếp vào tài khoản Ngân hàng cho ông N số tiền 25.000.000 đồng (trong đó có trả 5.000.000 đồng tiền lãi). Đến ngày 18/4/2021 ông gọi điện thoại cho ông N để thanh toán khoản tiền nợ còn lại, yêu cầu ông N tính tổng số tiền vay mà ông còn nợ, thì ông N khẳng định với ông còn nợ lại 10.000.000 đồng.

Nay vợ chồng ông N, bà Nh kiện vợ chồng ông còn nợ 400.000.000 đồng thì vợ chồng ông không đồng ý, vợ chồng ông chỉ thừa nhận còn nợ 10.000.000 đồng.

*Bị đơn bà Phan Thị Ngọc C trình bày:*

Bà là vợ ông Đỗ Đức H, bà thống nhất với lời khai của ông H, không bổ sung gì thêm.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:*

1. Buộc ông Đỗ Đức H phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) của 02 khoản vay ngày 26/11/2020 và ngày 04/12/2020.

2. Buộc vợ chồng ông Đỗ Đức H và bà Phan Thị Ngọc C phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) của khoản vay ngày 15/12/2020.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh không yêu cầu ông Đỗ Đức H, bà Phan Thị Ngọc C trả tiền lãi.

4. Bác yêu cầu của ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh yêu cầu ông Đỗ Đức H, bà Phan Thị Ngọc C phải trả số tiền 400.000.000 đồng.

5. Bác lời nại của ông Đỗ Đức H và bà Phan Thị Ngọc C chỉ còn nợ của ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí, về quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 31/8/2022 bị đơn ông Đỗ Đức H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Phan Văn N đối với số tiền 280.000.000 đồng của 02 khoản vay ngày 26/11/2020 và ngày 04/12/2020 và số tiền 25.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/12/2020, vợ chồng ông bà chỉ còn nợ của vợ chồng ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa luật sư Hồ Thị H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Đỗ Đức H và bà Phan Thị Ngọc C trình bày: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Đức H sửa bản án sơ thẩm theo hướng hiện nay vợ chồng ông bà chỉ còn nợ của vợ chồng ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh số tiền 10.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị C vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Đỗ Đức H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và sự thừa nhận của các bên đương sự tại phiên tòa thì HĐXX có đủ cơ sở xác định vợ chồng ông H, bà C có vay mượn của vợ chồng ông N bà Nh 03 lần với tổng số tiền 400.000.000 đồng. Cụ thể các lần:

Lần 01: Giấy vay tiền ngày 26/11/2020 do cá nhân ông H vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 9%/tháng.

Lần 02: Giấy vay ngày 04/12/2020 do cá nhân ông H vay số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 9%/tháng.

Lần 03: Giấy vay ngày 15/12/2020 do vợ chồng ông H, bà C vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 9%/tháng.

[2.2] Xét khoản nợ 100.000.000 đồng theo giấy vay ngày 26/11/2020 ông H cho rằng đã trả đủ gốc và lãi 101.200.000 đồng làm 02 lần, vào ngày 26/11/2020 trả 50.000.000 đồng gốc, ngày 04/12/2020 trả tiếp 50.000.000 đồng gốc và lãi 08 ngày 1.200.000 đồng. Ông H cung cấp chứng cứ trả nợ là các tin nhắn trên facebook ngày 04/12/2022 (BL 66) “*Ông N: 8 ngày 1tr200k gốc 50; ông H: lãi 8 ngày 1 riu2; ông N: Uh*” và tin nhắn trên facebook (BL 69) “*Ông H: Thành cu chạy vô lấy nha; ông N: Viết tờ giấy lun nhắn, viết xong nói nó cầm vô; ông H: Xé mấy giấy kia nha; ông N: khởi lo mà*”. Ông N thừa nhận các tin nhắn này đúng là do hai bên trao đổi nhưng là khoản nợ khác của ông H nợ ông N. Tuy nhiên, tại thời điểm hai bên trao đổi tin nhắn facebook ngày 04/12/2022 thì ông H chỉ có khoản nợ 100.000.000 đồng này, ông N không chứng minh được các lần mượn nợ khác của ông H. Đồng thời tin nhắn thể hiện ông H còn nợ 50.000.000 đồng gốc và tiền lãi 08 ngày 1.200.000 đồng phù hợp với mức lãi suất 9%/tháng do hai bên thỏa thuận. Nên khoản nợ 100.000.000 đồng theo giấy vay ngày 26/11/2020 ông H đã trả được 50.000.000 đồng gốc còn lại 50.000.000 đồng gốc chưa trả là có cơ sở.

[2.3] Xét khoản nợ 200.000.000 đồng theo giấy vay ngày 04/12/2020 ông H cho rằng ông nhờ ông Trịnh Quốc Tr nhận tiền dùm và đưa lại 200.000.000 đồng cho ông H vào ngày 04/12/2020 đến ngày 08/12/2020 ông H nhờ ông Trịnh Quốc Tr mang đến trả đủ 200.000.000 đồng và ông H mang đến trả 3.000.000 đồng tiền lãi. Theo lời khai ông Tr thừa nhận có mang giao cho ông N số tiền 200.000.000 đồng do ông H nhờ ông mang trả cho ông N nhưng không có giấy tờ gì chứng minh, trong khi ông N không thừa nhận, nên HĐXX không chấp nhận lời khai của ông Trịnh Quốc Tr. Ngoài ra, ông H cung cấp chứng cứ trả nợ thể hiện qua tin nhắn trên facebook (BL 65) “*N: có tiền ko; H: Mai e mới lấy tiền này em đi cv nên e lấy tính bao nhiêu ngày mai e thanh toán luôn; N: Uh 5 ngày nhé, 600k ngày x 5 = 3tr lãi*” nhưng không có nội dung thể hiện ông H đã trả nợ 200.000.000 đồng

gốc và 3.000.000 đồng lãi. Nên khoản nợ này ông H vẫn còn nợ ông N 200.000.000 đồng chưa trả là có cơ sở.

[2.4] Xét khoản nợ 100.000.000 đồng theo giấy vay ngày 04/12/2020 ông H cho rằng ngày 17/01/2021 vợ chồng ông H trả cho ông N 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại 55.000.000 đồng (gồm 50.000.000 đồng gốc và 5.000.000 đồng lãi) ngày 14/3/2021 ông H có nhờ ông Nh chủ quán cà phê Mộc đưa tiền trả cho ông N 20.000.000 đồng, đến ngày 24/3/2021 bà C vợ ông H chuyển trực tiếp vào tài khoản Ngân hàng cho ông N số tiền 25.000.000 đồng (trong đó có trả 5.000.000 đồng tiền lãi). Ông N thừa nhận có nhận tổng cộng 95.000.000 đồng như ông H trình bày nhưng là tiền trả cho những khoản nợ khác. Tuy nhiên, ngoài 03 lần mượn nợ ông N khởi kiện thì ông N không chứng minh ông H còn có những lần mượn nợ khác và tòa sơ thẩm trừ số tiền 95.000.000 đồng này vào nợ gốc nhưng vợ chồng ông N chấp nhận không kháng cáo. Nên khoản nợ 100.000.000 đồng theo giấy vay ngày 04/12/2020 vợ chồng ông H, bà C đã trả được 95.000.000 đồng còn lại 5.000.000 đồng chưa trả là có cơ sở.

[2.5] Ngoài ra, ông H còn cung cấp đoạn file ghi âm giữa ông H và ông N ngày 18/4/2021 có nội dung “H: Tính hết cho em nhen; N: tính hết cái gì; H: Lãi đồ lun ấy; N: lãi với cái gì nữa; H: tính hết tổng lãi đồ lun ấy, bao nhiêu ấy hiểu hông; N: 10 triệu, dấy rồi xong; H: Ủ ù, anh em bớt...rồi cảm ơn; N: rồi chốt lại, hử” để chứng minh vợ chồng ông H đã trả cho ông N 390.000.000 đồng gốc chỉ còn nợ lại 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, đoạn ghi âm có nội dung không rõ ràng và không thể hiện ông H đã trả nợ gốc lãi bao nhiêu và còn lại gốc lãi bao nhiêu chưa trả. Đồng thời ông N cho rằng nội dung đoạn ghi âm là hai bên chốt lại 10.000.000 đồng tiền lãi nhưng ông N không nhớ cụ thể khoản lãi nào và đến nay cũng chưa trả. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời nại ông H chỉ còn nợ vợ chồng ông Nam 10.000.000 đồng gốc.

[2.6] Về lãi suất: Vợ chồng ông N không yêu cầu tính lãi của 03 khoản vay trên, nên HĐXX ghi nhận tự nguyện của vợ chồng ông N không yêu cầu tính lãi.

[2.7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Đức H sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc ông Đỗ Đức H phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) của 02 khoản vay ngày 26/11/2020 và ngày 04/12/2020; Buộc vợ chồng ông Đỗ Đức H và bà Phan Thị Ngọc C phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) của khoản vay ngày 15/12/2020.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị đơn ông Đỗ Đức H phải chịu 12.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Phan Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh phải chịu 7.250.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006823 ngày 20/5/2021 của Chi cục

thi hành án dân sự huyện T, còn phải hoàn trả cho ông N bà Nh số tiền 2.750.000 đồng.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Đỗ Đức H không phải chịu. Hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007418 ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[4] Tại phiên tòa lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Đỗ Đức H phù hợp với một phần nhận định của HĐXX nên chấp nhận một phần.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ vào khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đỗ Đức H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Buộc ông Đỗ Đức H phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) của 02 khoản vay ngày 26/11/2020 và ngày 04/12/2020.

3. Buộc vợ chồng ông Đỗ Đức H và bà Phan Thị Ngọc C phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) của khoản vay ngày 15/12/2020.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh không yêu cầu ông Đỗ Đức H, bà Phan Thị Ngọc C trả tiền lãi.

5. Bác yêu cầu của ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh yêu cầu ông Đỗ Đức H, bà Phan Thị Ngọc C phải trả số tiền 400.000.000 đồng.

6. Bác lời nại của ông Đỗ Đức H và bà Phan Thị Ngọc C chỉ còn nợ của ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh số tiền 10.000.000 đồng.

7. Về án phí:

7.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Đức H phải chịu 12.800.000 đồng, bà Phan Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng.

Ông Phan Văn N, bà Trần Thị Quỳnh Nh phải chịu 7.250.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0006823 ngày 20/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, còn phải hoàn trả cho ông N, bà Nh số tiền 2.750.000 đồng.

7.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Đức H không phải chịu. Hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007418 ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

#### 8. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

8.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

8.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### 9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

##### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Phan Minh Dũng**